TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 595/2025/HS-PT
Ngày: 24/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán:Ông Ngô Quang Dũng;

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa trực tuyến, công khai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 546/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Phùng Thị Thanh H1, Nguyễn Thị Ánh T. Do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm 112/2025/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

* Các bị cáo có kháng cáo, bị cáo H1 bị kháng cáo:

1. Họ và tên: Phùng Thị Thanh H1, sinh ngày 02/5/1991 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Phú Thọ (trước đây là: thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể: Không; con ông Phùng Văn H2, sinh năm 1965 và con bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1969; chồng Kim Văn T1, sinh năm 1985; con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh P; (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/5/1979 tại Hà Nội; nơi cư trú: thôn K, xã Y, thành phố Hà Nội (trước đây là: thôn K, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể: Là Đảng viên Đảng sản Việt Nam. Ngày 24/9/2024, Ủy ban tra Huyện ủy M ra quyết định đình chỉ

sinh hoạt con ông Nguyễn Văn B (theo D chỉ bản: Nguyễn Văn B1), sinh năm 1946 và con bà Trần Thị Đ, sinh năm 1953; chồng: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973; con: Có 03 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh P; (có mặt).

* Bị hại có kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1986; Địa chỉ: phố C, phường V, tỉnh Phú Thọ; (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo H1, bị cáo T: Bà Nguyễn Thị Kim Q1 – Luật sư Đoàn Luật sư tỉnh P; địa chỉ: P, phường V, tỉnh Phú Thọ; (có mặt).

* Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Thị Thanh H1 và Nguyễn Thị Ánh T là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Trong thời gian quen biết, H1 nhiều lần cho T vay tiền, đến thời điểm ngày 16/4/2024, T còn nợ H1 số tiền 1.000.000.000 đồng. H1 nhiều lần đòi, nhưng T không có khả năng trả, vì bản thân T cũng vay nợ nhiều bên ngoài. Để có tiền trả nợ và mua các gian hàng ảo trên mạng, H1 đã nảy sinh ý định rủ T tìm những người có điều kiện về kinh tế, có nguồn tiền cho vay, với phương thức hỏi vay để đáo hạn thẻ ngân hàng, hẹn sẽ trả nhằm chiếm đoạt tiền của người cho vay, thời điểm này, T biết H1 nợ tiền nhiều người không có khả năng trả, nhưng vẫn đồng ý cùng H1 thực hiện lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị H4 300.000.000đ, bà Nguyễn Thị N 400.000.000đ vào ngày 16/4/2024. Ngoài ra ngày 18/4/2024, Phùng Thị Thanh H1 lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị C số tiền 2.000.000.000đ, cụ thể:

** Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H4 300.000.000đ và của bà Nguyễn Thị N 400.000.000đ:* Khoảng 17 giờ ngày 16/4/2024, H1 gọi điện hẹn T đến chung cư K, địa chỉ: Phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để nói chuyện. Tại đây, H1 bảo T trả số tiền đang nợ thì T nói không có tiền trả, nên H1 bảo T cùng đến nhà bà Nguyễn Thị H4 là người quen của H1 để vay tiền. H1 bàn bạc với T đưa ra thông tin gian dối là T vay tiền để đáo hạn tín dụng ngân hàng, liên quan đến nhà trường nơi T làm việc. H1 sẽ đứng ra với vai trò người giới thiệu và bảo lãnh thì T đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H1 cùng T đến nhà bà H4. Tại đây, H1 hỏi bà H4 "Bà có tiền tài khoản không cho chị này vay ba trăm triệu để đáo tài khoản thẻ một đến hai tiếng sau rút tiền sẽ trả", bà H4 nói "Tao không biết chị này, tao chuyển cho mày xong mày chuyển cho chị ý", H1 nói "Thế bà cứ chuyển cho cháu xong cháu chuyển cho chị ý". Nghe thấy vậy, T nói "Vâng, bà

cứ chuyển vào tài khoản của H1 cho cháu mượn". Sau đó, bà H4 sử dụng tài khoản ngân hàng số 6868519716868, mở tại Ngân hàng TMCP Q2, chuyển số tiền 300.000.000 đồng, vào tài khoản số 2983291232 của H1 mở tại Ngân hàng V2. Nhận được tiền H1 nói "Cháu nhận được rồi", đồng thời H1 nhắn tin đến số điện thoại của T số 0973.176.285 nội dung "Nhận được rồi", T hiểu ý nếu H1 hỏi chị nhận được tiền của em chuyển chưa, thì T sẽ trả lời là nhận được rồi để bà H4 tin. Sau đó, H1 hỏi T "Chị nhận được tiền của em chuyển chưa", T nói "Chị nhận được rồi", trên thực tế T không nhận được bất cứ khoản tiền nào của H1. Sau khi nhận được tiền, H1 đứng dậy đi ra phía ngoài cổng chuyển toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng, đến các số tài khoản do trang mạng cung cấp để đánh bạc và thua hết. H1 nhắn tin cho T "B2 vay thêm bốn trăm nữa mới rút ra được", T hiểu ý của H1 là tiếp tục hỏi vay tiền của bà H4, lấy lý do không đủ tiền nộp vào tài khoản đáo hạn thẻ, nên không giải ngân rút tiền ra được thì T đồng ý. Đồng thời H1 vào bảo bà H4 "bà ơi thôi chết rồi, tài khoản nó hiện còn âm 400.000.000 đồng thì mới rút được", bà H4 trả lời "tao không biết chúng mày đâu". H1 trả lời "bà ơi phải vay thêm 400.000.000 đồng vào để khắc phục ra thì mới đáo thẻ rút được", bà H4 trả lời "Tao còn 70.000.000 đồng trong tài khoản thôi mày vay đâu được thì vay", H1 nói "bà ơi có chỗ nào vay được 400.000.000 đồng để cho vào tài khoản của T thì rút tiền ra được luôn để trả cho bà". Tin lời T và H1, bà H4 đã gọi điện thoại cho bạn là bà Nguyễn Thị N hỏi vay số tiền 400.000.000 đồng trong tài khoản, khoảng 01 đến 2h thì bà N đồng ý. Khoảng 1h sau anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1992 (con trai bà N) đến nhà bà H4. Tại đây, bà H4 giới thiệu với anh Việt A, chị T có nhu cầu vay tiền tài khoản, trong vòng 1h để nộp vào tài khoản nhà trường, Việt A đồng ý và đưa cho T 01 giấy vay tiền do Việt A đã chuẩn bị trước, Thu điền các thông tin vay số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi T điền xong thông tin Việt A yêu cầu, T gửi số tài khoản rồi Việt A chuyển cho bà N. Bà N sử dụng số tài khoản 001014806048, mở tại Ngân hàng TMCP N2, chuyển số tiền 400.000. vào số tài khoản 102004633297 của T, mở tại Ngân hàng C1. Khi biết Thu nhận được tiền, H1 nhắn tin cho T "Chuyển tiền vào tài khoản của H5", T thực hiện theo yêu cầu của H1, chuyển toàn bộ 400.000.000 đồng đến số tài khoản 0368940681, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q2 của chị Trần Thị Quế H5, sinh năm 1980, HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện Y (số tài khoản này, H1 đã mượn của chị H5 từ đầu tháng 3 năm 2024 để sử dụng và quản lý). H1 tiếp tục sử dụng 400.000.000 đồng chuyển đến các số tài khoản để đánh bạc hết số tiền trên. Bà H4, Việt A ngồi đợi để T, H1 trả tiền theo thỏa thuận, nhưng T, H1 báo không có tiền trả, nên anh Việt A và bà H4 trình báo Công an huyện B đến làm việc thu giữ 01 điện thoại di động Iphone 6s, 01 xe mô tô Honda lead màu sơn trắng BKS: 29Z – 047.39 cùng đăng ký xe của Nguyễn Thị Ánh T.

** Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị C số tiền2.000.000.000đ:*

Do cần tiền để trả nợ và khắc phục số tiền đã lừa đảo bà H4, bà N ở B. H1 nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Khoảng 10 giờ ngày 18/4/2024, trong quá trình đi xe taxi BKS: 88A-639.63 của anh Nguyễn Chí Đ1, H1 hỏi anh Đ1 biết ai cho vay tiền, anh Đ1 gọi điện cho anh Nguyễn Minh H6 và cho H1 số điện thoại của anh H6. Anh H6 đã gọi điện cho chị Nguyễn Thị C. Sau đó, chị C và H1 liên lạc với nhau hẹn gặp tại căn hộ G, chung cư M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để trao đổi. Khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, chị C đến gặp H1. Khi gặp nhau, H1 nói với chị C có thửa đất số 950, tờ bản đồ số 8, diện tích 129m^2, địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc muốn chuyển nhượng. H1 sử dụng zalo "Thanh Hiền" gửi đến zalo của chị C tên "Độc Lập Tự Do", hình ảnh chụp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 950, tờ bản đồ số 8, diện tích 129m^2, địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên chủ sử dụng là Phùng Thị Thanh H1 và ảnh chụp căn cước công dân của H1; số tài khoản 2983291232 đứng tên Phùng Thị Thanh H1 mở tại Ngân hàng V2. Vì là người kinh doanh bất động sản, nên chị C tin tưởng đồng ý nhận chuyển nhượng với giá 2.100.000.000 đồng. Chị C lấy ra 01 tờ Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất và bảo H1 ký tên, điểm chỉ vào tờ Hợp đồng, hẹn đến ngày 19/4/2024 cùng nhau ra phòng công chứng làm thủ tục chuyển nhượng. Sau khi H1 ký tên và điểm chỉ dấu vân tay xong, thì chị C sử dụng tài khoản ngân hàng chuyển khoản 04 lần với tổng số tiền 2.000.000.000đ, đến số tài khoản ngân hàng V2 số 2983291232 của H1. Nhận được số tiền trên, H1 đã chuyển vào tài khoản số 103809223366 của bạn là ông Nguyễn Thanh Đ2, sinh năm 1979, hiện đang ở phường L, thành phố V số tiền 330.000.000đ, để nhờ ông Đ2 giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện B, để khắc phục hậu quả sự việc H1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà H4, bà N. Sau đó, theo H1 khai đã dùng tài khoản ngân hàng V2 số 2983291232 của H1, chuyển số tiền còn lại vào tài khoản theo hướng dẫn trên nhóm T2 và W đầu tư gian hàng ảo Y và bị thua lỗ hết. Sau khi chuyển số tiền đặt cọc cho H1, chị C yêu cầu H1 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất, H1 lấy lý do đang để ở nhà nhưng chồng đi vắng không lấy được. Chị C yêu cầu H1 đưa về nhà ở N, Y để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đường đi H1 nói thửa đất này đã bán cho người khác, nên chị C đã đưa H1 đến Công an phường K, thành phố V trình báo. Quá trình làm việc, H1 đã chuyển lại cho chị C số tiền 94.000.000đ. Ngày 19/4/2024, Công an huyện B tạm giữ của H1 số tiền 200.000.000đ. Cơ quan Công an thu giữ của H1 01 điện thoại di động có chữ Prouct màu đỏ.

* Kết quả xác minh, sao kê các tài khoản ngân hàng: Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Ngân hàng TMCP N2 chi nhánh V3, xác định tài khoản số: 2983291232 đứng tên Phùng Thị Thanh H1, đối soát với sao kê các tài khoản ngày 16, 18/4/2024, kết quả đều phù hợp. Xác minh số tài khoản 0368940681

thuộc hàng mang tên Trần Thị Quế H5, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, chị H5 khai nhận có cho H1 mượn sử dụng, chị không liên quan đến hành vi Lừa đảo của H1. Xác minh tài khoản số 103809223366 mang tên Nguyễn Thanh Đ2, số tiền 330.000.000đ với mục đích nhờ ông Đ2 đến giao nộp cho Cơ quan CSĐT- Công an huyện B, để khắc phục hậu quả trong vụ việc H1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do Cơ quan CSĐT- Công an huyện B đang thụ lý giải quyết. Ông Đ2 xác định, ngày 18/4/2024, sau khi nhận được số tiền trên, ông Đ2 đã giao nộp số tiền 300.000.000đ đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện B theo yêu cầu của H1. Số tiền 30.000.000đ còn lại, ông Đ2 trừ nợ vào số tiền H1 nợ anh trước đó. Đối với các tài khoản khác H1 chuyển tiền đến sau khi đã chiếm đoạt được của các bị hại, H1 không quen biết với những chủ tài khoản này. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của các chủ tài khoản, cụ thể:

- Chuyển đến tài khoản số 3170220824 mang tên số tiền 100.000.000đ. Sao kê tài khoản ngân hàng xác định chủ tài khoản là Viên Hiểu H7 SN: 1991, trú tại số I đường L, TDP A, 7, 11, TP Hồ Chí Minh. Ngày 27/05/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định Ủy thác điều tra số 844 gửi Cơ quan CSĐT Công an 11 – TP Hồ Chí Minh đề nghị xác minh Viên Hiếu H8. Kết quả, ghi lời khai của V Hiểu H8, H8 trình bày bản thân không sử dụng tài khoản ngân hàng số 3170220824, không biết ai đã lấy thông tin của mình mở tài khoản và sử dụng tài khoản này, H8 không quen biết gì với Phùng Thị Thanh H1.

- Chuyển số tiền 40.000.000đ đến số tài khoản 44770402455912 mang tên CHAU BICH LE. Sao kê tài khoản ngân hàng xác định chủ tài khoản tên Châu Bích L SN: 1971 trú tại 4 đường H, phường E, quận A, TP Hồ Chí Minh. Chị Châu Bích L trình bày từ trước đến nay chị chưa mở tài khoản số 44770402455912 thuộc hàng P lần nào, không biết ai đã sử dụng thông tin của mình mở tài khoản ngân hàng trên, không biết Phùng Thị Thanh H1 là ai.

- Chuyển đến số tài khoản 767913323 mang tên THU số tiền 80.000.000đ. Sao kê tài khoản ngân hàng xác định chủ tài khoản tên Trương Thị Thu V1, SN: 1984 trú tại Ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Chị V1 trình bày từ trước đến nay không sử dụng tài khoản ngân hàng số 767913323, không biết Phùng Thị Thanh H1 là ai.

- Chuyển đến số tài khoản ngân hàng 0901000057535 mang tên Đinh S, số tiền 80.000.000đ. Sao kê tài khoản ngân hàng xác định chủ tài khoản tên Đinh Thị S SN: 1976 trú tại thôn B, L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Chị S trình bày S không quen biết gì với Phùng Thị Thanh H1, không sử dụng tài khoản ngân hàng số 0901000057535.

- Chuyển đến số tài khoản 0707354291 mang tên DO THI HOA số tiền 100.000.000đ. Sao kê tài khoản ngân hàng xác định chủ tài khoản tên Đỗ Thị H9 SN: 1972 trú tại thôn B, xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Chị Đỗ Thị H9 trình bày năm 2023, chị có mở tài khoản ngân hàng 0707354291 thuộc hàng nhưng không sử dụng, sau đó chị H9 bị mất ví bên trong có điện thoại, Căn cước công dân, và ví tiền, không rõ ai nhặt được và sử dụng tài khoản ngân hàng trên. H9 không quen biết gì với Phùng Thị Thanh H1.

- Chuyển đến tài khoản số 0528699024 mang tên MONG số tiền 100.000.000đ. Sao kê tài khoản xác định chủ tài khoản tên Võ Thị Mộng N1 SN: 2003 trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Võ Thị Mộng N1 trình bày vào khoảng tháng 8/2023, N1 mở tài khoản ngân hàng số 0528699024 tại Ngân hàng M1 (V4), sau khi mở xong Nghi sử dụng khoảng 01 tháng thì không sử dụng nữa. Nghi không quen biết Phùng Thị Thanh H1, không thực hiện nhận giao dịch tiền của H1, không biết ai đã sử dụng khoản của mình để giao dịch.

- Chuyển đến tài khoản số 1034179261 mang tên THỊ số tiền 80.000.000đ. Sao kê tài khoản ngân hàng xác định chủ tài khoản tên Trần Thị T3, SN 1982, trú tại: phường T, L, Hà Nội. Cơ quan CSĐT Công an T6 đến làm việc với Trần Thị T3, chị T3 khai báo đã bị mất số tài khoản ngân hàng nêu trên và không còn sử dụng số tài khoản này. Hiện ai là người sử dụng số tài khoản nêu trên thì chị T3 không biết. Chị T3 không quen biết và không có mối quan hệ gì với Phùng Thị Thanh H1.

- Chuyển đến tài khoản số 1029857235 mang tên THU số tiền 80.000.000đ. Sao kê tài khoản ngân hàng xác định chủ tài khoản là Nông Thu H10, SN 2004, trú tại: phường N, T, Hà Nội. Cơ quan CSĐT Công an thành phố T6 đã làm việc ghi lời khai chị Nông Thu H10, H10 khai báo đã bị mất số tài khoản ngân hàng nêu trên và không còn sử dụng số tài khoản này. Hiện ai là người sử dụng số tài khoản nêu trên thì chị H10, không biết. Chị H10 không quen biết và không có mối quan hệ gì với Phùng Thị Thanh H1.

- Chuyển đến số tài khoản 0348358406 mang tên NGUYEN THI THUONG số tiền 100.000.000đ. Sao kê tài khoản ngân hàng xác định chủ tài khoản tên Nguyễn Thị T4 SN: 1989 trú tại số nhà A, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị T4 trình bày bản thân có mở tài khoản ngân hàng 0348358406 từ tháng 02/2024, nhưng sử dụng đến tháng 07/2024 thì dừng không sử dụng. Chị T4 không quen biết gì với Phùng Thị Thanh H1, không biết ai là người đã sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để giao dịch nhận tiền 100.000.000đ của H1.

Đối với những các chủ tài khoản còn lại (10 tài khoản) xác minh tại địa chỉ đăng ký mở tài khoản ngân hàng nhưng không có mặt tại địa phương và không có kết quả trả lời ủy thác nên chưa xác định được lý do H1 chuyển tiền đến.

* Kết quả giám định:

- Cơ quan CSĐT - Công an huyện B ra Quyết định số 1247 Ngày 17/7/2024, trưng cầu Phòng thuật hình sự - Công an tỉnh V giám định kỹ thuật số điện tử đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s thu giữ của Nguyễn Thị Ánh T. Tại Kết luận giám định số 2324 ngày 12/8/2024 của Phòng K - Công an tỉnh V ra, kết luận khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu gửi vật gửi giám định. Qua phân tích, tìm kiếm dữ liệu là tin nhắn trong ngày 16/4/2024 và ngày 17/4/2024 theo yêu cầu giám định; kết quả thu được: 10 tin nhắn SMS, 29 tin nhắn ứng dụng Messenger và 64 tin nhắn ứng dụng Zalo. Qua kiểm tra, không phát hiện nội dung liên quan đến vụ án.

- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố T6 ra Quyết định số 1774 ngày 21/06/2024, trưng cầu Phòng K Công an tỉnh V giám định tài liệu đối với 01 "HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC" đề ngày 18/4/2024. Tại Kết luận giám định số 2053 ngày 15/7/2024 của Phòng K - Công an tỉnh V, kết luận: "Chữ viết đứng tên Phùng Thị Thanh H1 dưới mục: "ĐẠI DIỆN BÊN A" (Ký ghi rõ họ tên) trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết đứng tên Phùng Thị Thanh H1 trên mẫu so sánh ký hiệu là M1 là do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Phùng Thị Thanh H1 dưới mục: "ĐẠI DIỆN BÊN A (Ký, ghi rõ họ tên" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Phùng Thị Thanh H1 trên mẫu so sánh ký hiệu M1 có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố T6 ra Quyết định số 3334 ngày 24/12/2024 trưng cầu Phòng thuật hình sự - Công an tỉnh V giám định 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, màu đỏ, mặt trước bị nứt vỡ kính thu giữ của Phùng Thị Thanh H1. Tại Kết luận giám định số 281 ngày 23/01/2025 của Phòng K - Công an tỉnh V, kết luận: Không trích xuất được dữ liệu đối với điện thoại di động cần giám định. Trích xuất được dữ liệu đối với thẻ sim gắn trong điện thoại di động; qua phân tích, tìm kiếm thấy không có dữ liệu tin nhắn.

* Kết quả xác minh hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 950, tờ bản đồ số 08, diện tích 129m2, địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc mang tên Phùng Thị Thanh H1: Quá trình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, để chị Nguyễn Thị C tin tưởng H1 đã đưa ra thông tin gian dối là H1 có tài sản là thửa đất số 950, tờ bản đồ số 08, diện tích 129m2, địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, đồng thời H1 gửi ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên qua Zalo của chị C. H1 khai nhận không có tài sản là thửa đất nêu trên nhưng khoảng đầu năm 2024, thông qua mạng xã hội facebook H1 có quen biết với một người nam giới tự giới thiệu có thể làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Hiền trao đổi gửi thông tin hình ảnh thửa đất (do H1 thu thập

trên mạng) kèm theo thông tin căn cước công dân của H1 cho một tài khoản Facebook làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và đã được tài khoản gửi cho H1 01 hình ảnh màu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 950, tờ bản đồ số 8, diện tích 129m2 địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc mang tên chủ sử hữu là: Phùng Thị Thanh Hiền SN: 1991, trú tại thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. H1 tải hình ảnh về điện thoại xem và hỏi giá đặt làm giấy giả gửi về thì được báo giá cao nên H1 không đặt nữa và xóa bỏ tin nhắn. Kể từ đó H1 không liên lạc, không nhớ thông tin tài khoản, tên, địa chỉ của người làm giấy giả là ai, ở đâu… Tuy nhiên H1 còn lưu hình ảnh giấy chứng nhận giả trên điện thoại. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét nơi ở của H1 ở thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng không giữ đồ vật, tài sản gì. Xác minh tại Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Y xác định: Thửa đất số 950, tờ bản đồ số 08, diện tích 129m^2, địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên chủ sở hữu đất là anh Kim Đình H11, sinh 1984 và vợ là chị Đào Thị H12, sinh năm 1988 đều trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất này là đất Nhà nước giao có thu tiền theo Quyết định số 546 ngày 21/02/2022 của UBND huyện Y về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với 45 ô đất tại xứ đồng chăn nuôi cũ làng Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đối với Phùng Thị Thanh H1 không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất đối với bất kỳ thửa đất nào trên địa bàn xã N. Đối với hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên máy điện thoại của chị C cơ quan giám định từ chối không giám định tài liệu phô tô hay hình ảnh trên máy điện thoại.

* Kết quả xác minh về trang game Kubet: Cơ quan CSĐT – Công an huyện B đã có văn 548 ngày 17/7/2024 gửi Sở Thông tin Truyền thông tỉnh V đề nghị trả lời một số nội dung: Trang game, ứng dụng Kubet được kết nối qua đường link http//vnnc6776knet có phải là game được cấp phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam không? Nếu có do đơn vị nào đang quản lý? T5 game, ứng dụng Kubet có phải là game đánh bạc trực tuyến không? Tại văn số 873 ngày 23/7/2024 của Sở Thông tin Truyền thông tỉnh V trả lời: Theo quy định tại Chương 4, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ, Sở T không có thẩm quyền cấp phép đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi trên mạng, vì vậy Sở Thông tin Truyền thông không có thông tin về giấy phép hoạt động và các thông tin khác liên quan đến trang wed http//vnnc6776knet.

Tại Cáo trạng số: 87/CT-VKS-P1 ngày 13/6/2025, Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phú Thọ) đã truy tố các bị cáo Phùng Thị Thanh Hiền, Nguyễn Thị Ánh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2025/HS-ST ngày 17/9/2025, Tòa án

nhân dân tỉnh Phú Thọ, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phùng Thị Thanh H1 và bị cáo Nguyễn Thị Ánh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phùng Thị Thanh H1 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 20/4/2024).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 20/4/2024).

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo H1 và bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phùng Thị Thanh H1 phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị C số tiền là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng). Xác nhận bị cáo đã bồi thường 464.000.000đ (Bốn trăm sáu tư triệu đồng). Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị C số tiền là 1.536.000.000đ (một tỷ năm trăm ba sáu triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, lãi suất, quyền kháng cáo.

Ngày 28/9/2025 bị cáo Phùng Thị Thành H13, Nguyễn Thị Ánh T có đơn kháng cáo đề nghị giảm hình phạt.

Ngày 25/9/2025, bị hại chị Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt bị cáo H13.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Phùng Thị Thành H13 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Ánh Thu G nguyên yêu cầu kháng cáo, xác định chỉ phạm tội theo Khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị hại chị Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị tăng hình phạt đối với cả hai bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của các bị cáo, bị hại kết luận: Bị cáo Phùng Thị Thành H13, bị cáo Nguyễn Thị Ánh T bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ

thẩm xử phạt các bị cáo là phù hợp; đối với kháng cáo của bị hại là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo các bị cáo, bị hại và giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phùng Thị Thanh H1, bị cáo Nguyễn Thị Ánh T đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo và bị hại có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên kháng cáo của bị cáo và bị hại là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Đối với hành vi, quyết định tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng thu được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cấp phúc thẩm thống nhất với kết luận của bản án sơ thẩm như sau: Do cần tiền trả nợ, nên ngày 16/4/2024, Phùng Thị Thanh H1 đã bàn bạc với Nguyễn Thị Ánh T dùng thủ đoạn gian dối vay tiền để đáo hạn ngân hàng, do tin tưởng H1 và T nói thật, nên bà Nguyễn Thị H4 đã cho vay số tiền 300.000.000đồng và bà Nguyễn Thị N cho vay số tiền 400.000.000đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền, H1 đã sử dụng để tiêu cá nhân hết. Để có tiền trả nợ và khắc phục số tiền đã lừa đảo bà H4 và bà N, ngày 18/4/2024, Phùng Thị Thanh H1 đã đưa ra thông tin gian dối có thửa đất số 950, tờ bản đồ số 08, diện tích 129m^2, địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc muốn chuyển nhượng, H1 gửi hình ảnh chụp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất cho chị Nguyễn Thị C, tin tưởng H1 nói là thật, chị C đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên, đặt cọc chuyển khoản số tiền 2.000.000.000 đồng cho H1. Nhận được số tiền trên, H1 đã trả nợ và đầu tư mua bán hàng trên mạng hết. Như vậy, tổng số tiền Phùng Thị Thanh H1 lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại 2.700.000.. Trong đó, bị cáo Phùng Thị Thanh H1 cùng bị cáo Nguyễn Thị Ánh T lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại là 700.000.. Hành vi Phùng Thị Thanh H1 cùng Nguyễn Thị Ánh T dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H4 số tiền 300.000.000đồng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N số tiền 400.000.000đồng. Ngoài ra, Phùng Thị Thanh H1 dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị C số 2.000.000.000đồng, đủ yếu tố cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", vi phạm tình tiết định khung: "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000đồng trở lên" theo quy định tại điểm a khoản

4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phùng Thị Thanh H1 và bị cáo Nguyễn Thị Ánh T theo tội danh, điểm, khoản, điều nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, bị cáo T cho rằng chỉ phạm tội theo Khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, kháng cáo tăng hình phạt của bị hại: Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá, vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo H1 là người khởi xướng, chủ mưu, trực tiếp thực hiện cả 03 vụ lừa đảo, sử dụng toàn bộ số tiền chiếm đoạt; Bị cáo T đồng phạm giúp sức tích cực trong 02 vụ, cùng bị cáo H1 chiếm đoạt số tiền 700.000.000 đồng của bà H4 và bà N; Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, H1 đã nộp lại 500.000.000 đồng, T được tặng Giấy khen và có bố tham gia kháng chiến, nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật sự giảm nhẹ một phần và xử phạt bị cáo Phùng Thị Thanh H1 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù là thỏa đáng; đối với bị cáo Nguyễn Thị Ánh T đồng phạm giúp sức, toàn bộ số tiền chiếm đoạt H1 hưởng, T không được hưởng, nên việc xử T 12 (mười hai) nămtù có phần quá nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, bố mẹ già yếu...xét thấy, số tiền chiếm đoạt đến nay H1 chưa bồi thường thêm, vai trò chính, mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp, cần bác kháng cáo của bị cáo H1 và giữ nguyên án sơ thẩm; bị cáo T tham gia vai trò đồng phạm, không được H1 chia tiền, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ nên cần chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo T, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do vậy, bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt là không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí: Bị cáo Phùng Thị Thanh H1 phải nộp án phí phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị Ánh T và B3 hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Thị Thanh H1 và bị hại chị Nguyễn Thị C. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ánh T.

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2025/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm

2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phùng Thị Thanh H1: 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù**, về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 20/4/2024).

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ánh T: 10 (mười) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 20/4/2024).

3. Về án phí: Bị cáo Phùng Thị Thanh H1 phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị Ánh T và B3 hại chị Nguyễn Thị C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Vụ 1 TANDTC;
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ (03 bản);
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại TG số 2 – CA tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người tham gia tố tụng khác (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Đình Lực